

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 275/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

Bà Ngô Thị Thơm.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 111/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 09/8/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh ngày 16/02/1975.

Nơi cư trú: thôn K, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (Xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T1, sinh ngày 09/02/1984,

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn K, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Hiện nay đang ở Đài Loan, Trung Quốc (Vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954; Nơi cư trú: thôn N, xã N1, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (Xin xét xử vắng mặt)

- **Người làm chứng:** Bà Ngô Thị N2, sinh năm 1944;

Nơi cư trú: thôn K, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (Xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 14/11/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến năm 2016, mâu thuẫn giữa hai người trở lên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Năm 2018 chị T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ khi chị T1 đi đến nay, hai bên không có liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T1.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thế Khang, sinh ngày 04/9/2014, khi ly hôn, anh nhất trí để chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng) cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung, nợ chung, công sức:** Anh không đề nghị giải quyết.

Theo anh Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ chị T1) trình bày thì hiện nay chị T1 đang sống và lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Chị T1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà C. Tuy nhiên, mọi người vẫn không biết địa chỉ cụ thể của chị T1. Theo cung cấp của Cục xuất nhập cảnh – Bộ Công an thì chị T1 đã xuất cảnh và chưa có thông tin nhập cảnh.

Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chị T1 thông qua bà C. Bà C đã thông báo cho chị T1 biết nội dung các văn bản của Tòa án. Chị T1 xác nhận: Việc kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản cơ bản như anh T khai. Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, anh T có đơn xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí. Chị xác định vợ chồng có 01 con chung như anh T trình bày là đúng, chị xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi, chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Do hiện nay chị đang ở Đài Loan nên nhờ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tài sản chung, nợ chung, công sức chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị C đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Thế Khang giúp chị T1 cho đến khi chị T1 về nước đón con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- **Về việc tuân theo pháp luật:** Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong quá trình tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Phạm Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị T1; về con chung: Giao cháu Phạm Thế Khang, sinh ngày 04/9/2014 cho chị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T1 là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C đều xác định hiện nay chị Nguyễn Thị T1 đang sinh sống và lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Chị T1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà C nên biết được anh T làm đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung, cũng như biết được nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, chị T1 không cung cấp địa chỉ cụ thể và không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án mà chỉ nhờ bà C trình bày lại với Tòa án quan điểm của chị về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản khi ly hôn, đồng thời chị T1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Đối với nguyên đơn và bà Ngô Thị N2, bà Nguyễn Thị C cũng đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/11/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị T1 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, hai bên sống ly thân. Năm 2018, chị T1 tự làm thủ tục đi lao động tại Đài Loan. Từ đó, vợ chồng không liên lạc, quan tâm đến nhau. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1. Thông qua gia đình, chị T1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung là Phạm Thế

Khang, sinh ngày 04/9/2014, hiện nay con chung đang ở với bà ngoại. Khi ly hôn chị T1 xin được trực tiếp nuôi con, anh T nhất trí và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng), nên Tòa án giao con cho chị T1 nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T1 đang lao động tại Đài Loan đã nhờ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị C thay chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Khang, bà C đồng ý. Vì vậy, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị T1 và bà C, tạm giao cháu Khang cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị T1 về nước đón con.

[4] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh T và chị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Phạm Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Thế Khang, sinh ngày 04/9/2014 cho chị Nguyễn Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 9/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị C (Mẹ đẻ chị T1), tạm giao cháu Phạm Thế Khang cho bà Nguyễn Thị C nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị T1 về nước đón cháu Khang.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000517 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi

hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh Nguyễn Văn T còn phải nộp tiếp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Trường Giang